

Bản án số: 371/2024/DS-PT

Ngày 13-9-2024

V/v tranh chấp đòi lại di sản thừa kế và
tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Chơn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 8 và 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2024/TLPT- DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc: Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 172/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Tạ Thành Ô, sinh năm 1940. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Thành Ô: Bà Quách Ngọc L sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tạ Thành Ô: Luật sư Nguyễn Tố N, sinh năm 1995 - Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (có mặt).

2. Bà Tạ Thị D, sinh năm 1944. Địa chỉ cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tạ Thị D: Ông Diệp Văn T, sinh năm: 1963. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt; vắng mặt ngày

13/9/2024).

3. Bà Tạ Thị T1, sinh năm 1950. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Bà Tạ Thị N1, sinh năm 1952. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt; vắng mặt ngày 13/9/2024).

5. Tạ Thị L1, sinh năm 1954. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt; vắng mặt ngày 13/9/2024).

6. Bà Tạ Thị Đ, sinh năm 1949. Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Tạ Thị Đ:

- Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1944. Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Tuyết V, sinh năm 1968. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Kim A, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Ánh T2, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Tạ Thành P, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Thành P: Ông Trần Chi L2, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau. Theo giấy ủy quyền ngày 24/8/2022 (có mặt; vắng mặt ngày 13/9/2024).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Tạ Thành C, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: Khóm H, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Anh Trần Văn C1, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã Q, huyện Đ,

tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Anh Tạ Thành Đ2, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Tạ Thành Ô là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tạ Thành Ô – bà Huỳnh Mỹ S trình bày:

Cha mẹ của ông Tạ Thành Ô, là ông Tạ Thành T3 và bà Tôn Thị V1, ông T3 và bà V1 có 06 người con gồm: Tạ Thành Ô, Tạ Thị D, Tạ Thị Đ, Tạ Thị T4, Tạ Thị N1, Tạ Thị L1. Ông T3 chết năm 1971, bà V1 chết năm 2004. Sinh thời, ông T3 và bà V1 có tạo lập được diện tích đất 21.000m², trong đó đất nuôi trồng thủy sản là 17.000m², đất thổ cư là 300m², đất vườn là 3.700m², tại ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Năm 1994 bà V1 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Khi ông T3 và bà V1 còn sống thì sống cùng ông Ô ở phần đất khác, còn phần đất đang tranh chấp giao cho ông Ô quản lý, sử dụng. Đến năm 2002 ông Ô thấy cuộc sống của con cháu gặp khó khăn nên ông giao đất cho con trai ông là ông Tạ Thành P diện tích 8.500m² và Tạ Thành C là 8.500m², giao cho cháu là Trần Thành C2 (con bà T4) diện tích đất thổ cư và đất vườn là 4.000m² để sản xuất. Tạ Thành C đi làm ăn xa nên giao lại cho Tạ Thành P thuê và sử dụng đến nay, tổng diện tích ông P quản lý là 17.000m².

Năm 2018 khi thấy cuộc sống của ông P ổn định, ông Ô đòi lại đất để phân chia cho hàng thừa kế thì ông P không đồng ý.

Theo đơn khởi kiện ban đầu ông Ô cùng các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất bà V1 để lại là 21.000m². Quá trình giải quyết vụ án ông Ô cùng các nguyên đơn còn lại có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất vườn và đất thổ cư mà anh C2 đang quản lý; chỉ yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với diện tích ông P đang quản lý theo đo đạc thực tế là 18.724,8m² nằm trong tổng diện tích 21.000m² do bà Tôn Thị V1 đứng tên tại ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Về giá trị đất và tài sản gắn liền với đất thông nhất theo giá trị tại Biên bản định giá tài sản ngày 29/4/2021.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Thành Ô – anh Tạ Thành M trình bày: Anh M thống nhất theo nội dung yêu cầu và trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ô, không có ý kiến bổ sung.

Ngày 10/5/2023 có đơn yêu cầu phản tố, Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Tạ Thành P trình bày:

Về quan hệ gia đình như trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tạ Thành Ô là đúng. Vào năm 1989, ông P lập gia đình, khi đó ông

Ô đang nuôi dưỡng bà V1. Ông Ô và các em ông Ô thống nhất giao lại cho vợ chồng ông P toàn bộ phần đất bà V1 đứng tên và có nhiệm vụ nuôi dưỡng bà V1.

Sau khi bà V1 mất thì vợ chồng ông P vẫn quản lý đất. Đến ngày 04/10/2009, ông Ô bố trí họp thân tộc có đầy đủ hết các anh em ông Ô và tất cả thống nhất cho vợ chồng ông P hưởng phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 17.000m². Ngày 13/10/2009 ông P đã làm thủ tục đăng ký đo đạc, năm 2011 được đứng tên sổ mục kê.

Nay các nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế diện tích đất ông P được tặng cho theo đo đạc thực tế là 18.724,8m², ông P không đồng ý với các lý do sau:

Thứ nhất là, tài sản trên có nguồn gốc của ông, bà nội ông P là ông T3 và bà V1. Ông T3 chết năm 1971, vợ chồng ông P quản lý đất đã hơn 30 năm nên thời hiệu chia thừa kế đối với di sản của ông T3 đã hết theo Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015. Phần di sản của ông T3 đề nghị Tòa án công nhận cho ông P hưởng diện tích 9.362,4m².

Thứ hai là, phần di sản của bà V1 vợ chồng ông P đang quản lý sử dụng đã được tặng cho có điều kiện và đã thực hiện tốt điều kiện tặng cho là nuôi dưỡng bà V1 đến khi bà V1 chết nên đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho có điều kiện giữa các anh em ông Ô với ông P lập ngày 04/10/2009 là hợp pháp, công nhận diện tích 9.362,4m² thuộc quyền quản sử dụng của ông Tạ Thành P.

Nếu xét thấy không đủ điều kiện công nhận cho ông P được hưởng tổng diện tích 18.724,8m² mà phải giao đất lại để chia thừa kế thì ông P yêu cầu trả tiền công chăm sóc bà V1 từ năm 1989 đến 2005 là 17 năm bằng 1.224.000.000 đồng (bình quân mỗi tháng bằng 6.000.000 đồng); các nguyên đơn phải trả giá trị căn nhà và công trình kiến trúc trên đất theo Biên bản định giá tài sản ngày 29/4/2021 là 329.625.000 đồng; trả 50% công sức cải tạo làm tăng giá trị đất từ năm 1989 đến nay là 18.724,8 x 65.000 đồng/m² = 1.217.112.000 đồng x 50% = 608.556.000 đồng.

Theo biên bản lấy lời khai đương sự đối với các nguyên đơn: Bà Tạ Thị D, bà Tạ Thị T4, bà Tạ Thị N1 và bà Tạ Thị L1, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Tạ Thị Đ gồm: Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Hoàng K, Nguyễn Tuyết V, Nguyễn Minh H, Nguyễn Kim A, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Ánh T2 và Nguyễn Thị H2 trình bày:

Về nguồn gốc đất trình bày thống nhất với nhau là của ông T3 và bà V1 khai phá. Khi còn sống ông T3 và bà V1 sống cùng ông Ô tại ấp C, xã Q, đến khi ông T3 chết và kết thúc chiến tranh thì bà V1 về lại phần đất tranh chấp để canh tác và có xây dựng nhà trên đất sống cùng bà T4 và ông P. Bà T4 có chồng ra sống riêng thì ông P vẫn sống cùng bà V1. Lúc bà V1 bệnh thì về sống cùng ông Ô đến lúc chết. Do ông Ô là con trai duy nhất nên khi còn sống bà V1 đã tặng cho ông Ô và giao quyền cho ông Ô định đoạt toàn bộ, những người con còn lại không ai đặt ra tranh chấp. Nay giữa ông Ô và ông P xảy ra tranh chấp nên ông Ô yêu cầu bà D, bà N1, bà L1, bà Đ, bà T4 cùng đứng đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, bà N1, bà D, bà L1 và hàng thừa kế của bà Đ xác định không tranh

chấp về thừa kế nên chỉ yêu cầu ông P giao trả phần đất là di sản của bà V1 để ông Ô quản lý, khi nào có tranh chấp về thừa kế sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Đối với bà T4 ngày 29/12/2023 bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện, đến ngày 19/3/2024 Tòa án nhận được đơn trình bày ý kiến của bà T4 đề ngày 18/3/2024 bà T4 thay đổi ý kiến là yêu cầu ông P giao trả đất cho hàng thừa kế, phần di sản bà được phân chia bà giao lại cho ông Ô hưởng.

Anh Tạ Thành C trình bày như sau:

Anh là con của ông Ô, là em của ông P. Trước đây ông Ô có cho anh và ông P phần đất tại ấp L, hiện nay ông P quản lý toàn bộ khoản 17.000m², phân chia cho mỗi người hưởng 1/2. Do anh bận phải đi làm việc xa nhà, không canh tác được nên giao cho ông P sử dụng, ông P có nghĩa vụ trả tiền thuê đất cho anh, giá thuê anh không nhớ, từ khi giao đất đến nay ông P chỉ trả được 1-2 lần thì không thanh toán nữa. Do không có sử dụng đất, không lên ranh sử dụng riêng nên không xác định được vị trí phần đất anh được tặng cho. Dù không có nhu cầu sử dụng nhưng anh đồng ý nhận đất nhằm mục đích sau này để lại cho ông Ô dưỡng già, tiền thuê đất ông P trả anh cũng đưa lại cho ông Ô h. Khi ông Ô cần tiền để sửa chữa nhà thì anh có kêu ông Ô bán phần đất đã cho anh nhưng ông P ngăn cản. Nay ông Ô cùng hàng thừa kế của bà V1 khởi kiện đòi đất từ ông P anh cũng thống nhất. Anh không có yêu cầu gì trong vụ án này, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, nếu các nguyên đơn còn giữ nguyên việc tặng cho thì anh xin hưởng, nếu không cho thì anh cũng không đặt ra tranh chấp; nếu đất thuộc về ông P thì anh sẽ khởi kiện ông P bằng vụ án khác.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 29/12/2023 đối với anh Tạ Thành C3, anh C3 trình bày như sau:

Anh là con bà T4. Từ nhỏ anh đã sống cùng bà T4 và bà V1, ngôi nhà anh đang ở được xây dựng lại trên đúng vị trí ngôi nhà trước đây của bà V1. Khi anh lập gia đình đi làm ăn xa, mẹ anh cũng có chồng khác ra sống riêng gần đó. Lúc này ông C4 là con trai ông Ô có về sống cùng bà V1 thời gian ngắn thì ông P về sống, ông P sống cùng bà V1 được bao lâu thì anh không rõ, khi ông P lập gia đình thì xây dựng nhà ở riêng trên phần đất tranh chấp, phần đất ông P đang quản lý anh không rõ do ông Ô hay bà V1 tặng cho, phần anh được bà V1 cho 4.000m². Khi bà V1 bệnh thì về sống lại với ông Ô cho đến khi chết. Nay các nguyên đơn đặt ra tranh chấp đối với phần đất ông P đang quản lý mà không đặt ra tranh chấp đối với phần đất anh được bà V1 tặng cho, anh thống nhất.

Đối với bà Nguyễn Ngọc B, anh Tạ Thành Đ2 là vợ con ông P đang quản lý đất cùng ông P, mặc dù đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án để biết được yêu cầu khởi kiện của ông Ô, bà N1, bà T4, bà D, bà L1, bà Đ nhưng không có ý kiến và không tham gia hòa giải, xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầm Dơi quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Thành Ô, bà Tạ Thị N1, bà Tạ Thị L1, bà Tạ Thị D, bà Tạ Thị T4 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố

tụng của bà Đ gồm: Ông Nguyễn Văn Đ1, ông Nguyễn Hoàng K, bà Nguyễn Tuyết V, anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Kim A, anh Nguyễn Thanh H1, chị Nguyễn Ánh T2 và chị Nguyễn Thị H2 về việc yêu cầu ông Tạ Thành P giao trả diện tích đất 18.724,8m² tại ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do bà Tôn Thị V1 đứng tên quyền sử dụng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Tạ Thành P, công nhận cho ông P được quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 18.724,8m² tại ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, đất có các hướng tiếp giáp sau:

- Hướng đông giáp Kênh số 2 đoạn M2M3 = 31.52m;
- Hướng tây giáp đất Tạ Hoàng Đ3 đoạn M1M4 = 30,48m;
- Hướng nam giáp đất Tạ Thành C5 và Tạ Hoàng G đoạn M3M4 = 602,63m;
- Hướng bắc giáp Dương Hoài H3, Trần Văn B1, Mai Kim T5, Lữ Thanh D1, Lữ Văn C6, Từ Văn P1, Nguyễn Văn Đ4, Lê Việt K1 và La Văn K2 đoạn M1M2 = 601,72m.

(Kèm theo bản trích đo hiện trạng ngày 05/4/2023 của Công ty TNHH P2).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 nguyên đơn là ông Tạ Thành Ô kháng cáo yêu cầu cấp thúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Tạ Thành P giao trả diện tích đất 18.724,8m².

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Tạ Thành Ô vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Tạ Thành Ô, đề nghị giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tạ Thành Ô. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Tạ Thành Ô còn trong hạn luật định.

[2] Căn cứ Biên bản trích đo hiện trạng ngày 05/4/2023 của Công ty TNHH P2 phần đất tranh chấp do ông Tạ Thành P đang quản lý, theo đo đạc thực tế có diện tích 18.724,8m² tại ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, có vị trí tứ cận:

- Hướng đông giáp Kênh số 2 đoạn M2M3 = 31.52m;
- Hướng tây giáp đất Tạ Hoàng Đ3 đoạn M1M4 = 30,48m;
- Hướng nam giáp đất Tạ Thành C5 và Tạ Hoàng G đoạn M3M4 = 602,63m;
- Hướng bắc giáp Dương Hoài H3, Trần Văn B1, Mai Kim T5, Lữ Thanh D1, Lữ Văn C6, Từ Văn P1, Nguyễn Văn Đ4, Lê Việt K1 và La Văn K2 đoạn M1M2 = 601,72m.

[3] Các đương sự thống nhất nguồn gốc là do của ông Tạ Thành T3 và bà Tôn Thị V1 khai phá năm 1971. Ông T3 chết năm 1994. Năm 1994 bà V1 được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cho cá nhân bà V1, năm 2004 bà V1 chết. Các con của ông T3 và bà V1 gồm: Ông Tạ Thành Ô, bà Tạ Thị D, bà Tạ Thị Đ (chết), bà Tạ Thị T4, bà Tạ Thị L1 và Tạ Thị N1. Toàn bộ diện tích đất là tài sản của bà V1 chứ không phải là tài sản chung của bà V1 và ông T3.

Các hàng thừa kế của bà V1 là các anh em của ông Ô thừa nhận phần đất tranh chấp bà V1 đã giao cho ông Ô quản lý sử dụng từ khi bà V1 còn sống. Từ khi bà V1 chết các con bà V1, anh em của ông Ô hoàn toàn không có ý kiến hay tranh chấp gì về phần đất diện tích 18.724,8m². Hiện tại ông Ô là người giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng người sử dụng là ông P (con ruột ông Ô) và ông C3 (cháu ông Ô, con bà T1). Giấy chứng nhận vẫn đứng tên bà V1.

Bà N1, bà D, bà L1 và hàng thừa kế của bà Đ xác định không tranh chấp về thừa kế nên chỉ yêu cầu ông P giao trả phần đất là di sản của bà V1 để ông Ô quản lý. Xét việc đòi lại đất của ông Ô là quyền lợi của ông Ô, các đương sự không được tự đòi lại giùm cho ông Ô mà khi nào có tranh chấp về thừa kế sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Đối với bà T4 ngày 29/12/2023 bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện, đến ngày 19/3/2024 Tòa án nhận được đơn trình bày ý kiến của bà T4 đề ngày 18/3/2024 bà T4 thay đổi ý kiến là yêu cầu ông P giao trả đất cho hàng thừa kế, phần di sản bà được phân chia bà giao lại cho ông Ô được hưởng.

Các đương sự thừa kế của bà V1 cũng thống nhất giao đất cho ông Ô, trên thực tế ông Ô đã quản lý sử dụng khi bà V1 còn sống. Lúc bà V1 còn sống bà V1 sống trên phần đất này cùng với vợ chồng ông P cho đến khi bà V1 chết. Đến ngày 4/10/2009, ông Ô họp thân tộc các anh em và ký giấy phân chia quyền sử dụng đất cho ông P 17.000m² và chia cho anh C3 4.000m², việc phân chia được xác nhận của chính quyền địa phương của ông Ô. Theo lời khai của bà Tạ Thị L1 (bút lục số 168), anh Trần Văn C1 (bút lục số 156), anh Nguyễn Hoàng K (bút lục số 164), ông Phù Minh Đ5 (bút lục số 160), bà Tạ Thị N1 (bút lục số 158), bà Tạ Thị T4 (bút lục số 159), bà Tạ Thị D (bút lục số 162) đều xác định ông P có sống và quản lý sử dụng đất cùng bà V1 thời gian dài nhưng không xác định thời gian cụ thể.

Như vậy, việc Ô đứng ra phân chia đất cho ông P và anh C1 khi ông chưa được đứng tên quyền sử dụng đất là chưa phù hợp, nhưng các đồng nguyên đơn đã

thừa nhận việc ông Ô đã được bà V1 tặng cho đất nên khi ông Ô đứng ra phân chia đất cho ông P và anh C1 cũng không ai phản đối. Ông P, ông C1 quản lý sử dụng đất thời gian dài, xây dựng nhà kiên cố trên đất cũng không ai phản đối, chỉ có ông Ô có mâu thuẫn với ông P nên đứng ra yêu cầu các đồng thừa kế khởi kiện.

Mặt khác, vào ngày 09/7/2020 Toà án nhân dân huyện Đàm Dơi có thụ lý đơn khởi kiện của ông Ô, bà D, bà L1, bà N1, bà T4 và bà Đ, khởi kiện đối với ông P, yêu cầu ông P trả đất. Riêng phần đất ông C1 được chia theo biên bản họp thân tộc các nguyên đơn không có yêu cầu đòi lại. Các nguyên đơn cho là đã có di chúc của bà V1 năm 2023. Quá trình giải quyết vụ án ông Ô xác định ông không có tặng cho đất ông P và có yêu cầu giám định chữ ký của ông, đối với biên bản họp gia đình ngày 04/10/2009, kết quả giám định xác định được là chữ ký của ông Ô nên các nguyên đơn rút đơn khởi kiện để yêu cầu chia thừa kế và đặt ra việc chỉ có ông Ô có quyền định đoạt tài sản của bà V1, các nguyên đơn thống nhất đồng ý là ông Ô có quyền định đoạt phần đất tranh chấp.

[4] Xét việc tặng cho đất giữa ông Ô và ông P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh M và ông P trình bày trước khi chuyển dịch sang nuôi tôm khoản 02 năm thì ông P có đi quản lý đất cho ông Ô ở huyện N. Đến năm 2002 khi chuyển dịch sang nuôi tôm thì ông Ô là người cải tạo đất, xuống cống kê ông P về sử dụng, ông P về có cất nhà tạm để quản lý đất, đến năm 2006 thì xây dựng nhà kiên cố chính thức quản lý sử dụng phần đất 17.000m². Đến năm 2009 thì ông Ô cùng các người con của bà V1 lập biên bản họp gia đình để phân chia đất ngày 04/10/2009, ông Ô là người trực tiếp đứng ra phân chia đất cho con là Tạ Thành P được hưởng 17.000m², chia cho cháu là Tạ Thành C3 được hưởng 4.000m², có xác nhận của chính quyền địa phương. Ông Nguyễn Thế A1, Hồ Văn Q là Bí thư chi bộ và T6 ấp. Tại tờ xác nhận ngày 23/8/2024 ông Thế A1 và ông Văn Q xác nhận ngày 04/10/2009 tại nhà ông Ô gồm có ông Ô và các em gái của ông Ô và một số bà con thân tộc các ông không nhớ hết tên từng người, nội dung cuộc họp ông Ô cùng các em thống nhất chia đất cho anh P và anh C3, việc trong biên bản họp thân tộc không đủ các chữ ký tên của các em ông Ô là vì các em ông Ô xác định ông Ô là người quản lý đất và nuôi bà V1, do đó ông Ô toàn quyền quyết định không có ý kiến gì về phần đất.

Năm 2002 thời điểm này bà V1 còn sống, ông Ô t đứng ra phân chia đất cho con cháu, bà V1 không ngăn cản. Bà V1 chết năm 2004 thì đến năm 2009 ông P lập biên bản họp gia đình để chủ trì việc phân chia đất thì các người con khác của bà V1 (các đồng nguyên đơn) không ai có ý kiến hay ngăn cản. Qua làm việc với các đồng nguyên đơn thì họ xác định do ông Ô là con trai duy nhất nên khi còn sống bà V1 đã tặng cho ông Ô và giao cho ông Ô định đoạt đất, không ai đặt ra tranh chấp.

[5] Xét yêu cầu phản tố của ông P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông có thời gian quản lý sử dụng đất cùng bà V1 từ lúc còn trồng lúa, đến khi chuyển dịch sang nuôi tôm. Tuy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Tôn Thị V1 nhưng các thừa kế của bà V1 và các anh em ông Ô đã thống nhất

giao cho ông Ô toàn quyền. Sau đó ông Ô đứng ra chia đất cho anh P và anh C3. Anh P đã quản lý sử dụng đất liên tục từ thời điểm bà V1 còn sống, xây dựng nhà kiên cố trên đất, các thành viên gia đình đều biết nhưng không có ai ngăn cản hay phản đối và đã thực hiện thủ tục kê khai đối với đất năm 2011. Mãi đến năm 2018 ông Ô mới khởi kiện đòi đất, nên giao dịch tặng cho đất giữa ông Ô và ông P đã phát sinh hiệu lực.

Hơn nữa lời khai của các đồng thừa kế thừa nhận ông P là người thường xuyên trực tiếp nuôi bà V1 lúc còn sống, lời khai này là phù hợp với Biên bản họp thân tộc: “Trong thời gian bà V1 còn sống ông giao trực tiếp cho con nuôi...do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn không làm thủ tục để chuyển quyền được...nay họp gia đình để chuyển quyền sử dụng lại cho cháu nội...làm quyền sử dụng cho hợp pháp, đất có ranh gáp cụ thể không tranh chấp”. Ông P đã sử dụng quản lý đúng phần đất theo biên bản họp thân tộc. Do đó, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông P. Công nhận phần đất theo đo đạc thực tế 18.724,8m² thuộc quyền sử dụng của ông P.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tạ Thành Ô. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[8] Về chi phí tố tụng: Ông Ô, bà D, bà N1, bà T4, bà L1 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ phải chịu 7.720.600 đồng (đã nộp xong).

[9] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ô, bà D, bà N1, bà T4, bà L1 không phải chịu do là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí và án phí theo quy định. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ cùng liên đới chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng. Ông Tạ Thành P không phải chịu, ông P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 18.969.500 đồng được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tạ Thành Ô không phải chịu do thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí và án phí theo quy định.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tạ Thành Ô .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Thành Ô, bà Tạ Thị N1, bà Tạ Thị L1, bà Tạ Thị D, bà Tạ Thị T4 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ gồm: Ông Nguyễn Văn Đ1, ông Nguyễn Hoàng K, bà Nguyễn Tuyết V, anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Kim A, anh Nguyễn Thanh H1, chị Nguyễn Ánh T2 và chị Nguyễn Thị H2 về việc yêu cầu ông Tạ Thành P giao trả diện tích đất 18.724,8m² tại ấp L , xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do bà Tôn Thị V1 đứng tên quyền sử dụng.

2. Chấp nhận yêu cầu phân tố của ông Tạ Thành P, công nhận cho ông P được quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 18.724,8m² tại ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, đất có các hướng tiếp giáp sau:

- Hướng đông giáp Kênh số 2 đoạn M2M3 = 31.52m;
- Hướng tây giáp đất Tạ Hoàng Đ3 đoạn M1M4 = 30,48m;
- Hướng nam giáp đất Tạ Thành C5 và Tạ Hoàng G đoạn M3M4 = 602,63m;
- Hướng bắc giáp Dương Hoài H3, Trần Văn B1, Mai Kim T5, Lữ Thanh D1, Lữ Văn C6, Từ Văn P1, Nguyễn Văn Đ4, Lê Việt K1 và La Văn K2 đoạn M1M2 = 601,72m.

(Kèm theo bản trích đo hiện trạng ngày 05/4/2023 của Công ty TNHH P2).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Tạ Thành Ô, bà Tạ Thị N1, bà Tạ Thị L1, bà Tạ Thị D, bà Tạ Thị T4 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ gồm: Ông Nguyễn Văn Đ1, ông Nguyễn Hoàng K, bà Nguyễn Tuyết V, anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Kim A, anh Nguyễn Thanh H1, chị Nguyễn Ánh T2 và chị Nguyễn Thị H2 phải chịu 7.720.600 đồng (đã nộp xong).

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:
 - + Ông Tạ Thành Ô, bà Tạ Thị N1, bà Tạ Thị L1, bà Tạ Thị D, bà Tạ Thị T4 được miễn tạm ứng án phí và án phí theo quy định.
 - + Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ gồm: Ông Nguyễn Văn Đ1, ông Nguyễn Hoàng K, bà Nguyễn Tuyết V, anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Kim A, anh Nguyễn Thanh H1, chị Nguyễn Ánh T2 và chị Nguyễn Thị H2 cùng liên đới chịu án phí không có giá ngạch 300.000 đồng.
 - + Ông Tạ Thành P không phải chịu án phí, ông P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 18.969.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0000365 ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tạ Thành Ô không phải chịu do thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang